

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 20-3-2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám.

2. Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1963 (có mặt);

Ông Lê Văn D, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 (âl) nhằm ngày 20/01/2016 bà có cho bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D vay số tiền là 37.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, thời gian vay trong vòng 6 tháng sẽ trả vốn và tiền lãi trả hàng tháng.

Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D không thực hiện việc trả lãi hàng tháng cũng không trả tiền vốn cho bà đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải trả cho bà số nợ gốc với số tiền là 37.000.000 đồng và số tiền lãi với lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 11 tháng 12 năm 2015 (âl) nhằm ngày 20/01/2016 (dl) cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2005 bà có vay của bà H số tiền 2.000.000 đồng để trị bệnh cho con và bà còn thiếu tiền gạo của bà H với số tiền 1.000.000 đồng và tiền mua đồ tiệm, đến ngày 11/12/2015 (al) thì bà làm biên nhận nợ với bà H với số tiền vốn là 37.000.000 đồng do bà không có tiền trả cho bà H nên bà H kêu bà viết biên nhận nên bà viết chữ thực tế số tiền bà thiếu bà H không nhiều như vậy, bà H cộng cả vốn lẫn lời vào rồi kêu bà làm biên nhận. Tờ “Giấy nhận nợ” đề ngày 11/12/2015 (al) của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà viết và bà ký tên nhưng chữ ký ông Lê Văn D (chồng bà) là do bà ký luôn chứ ông D không có ký.

Nay bà và ông D cùng đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng, bà không đồng ý trả lãi vì khi bà viết biên nhận nợ ngày 11/12/2015 thì bà H có nói với bà là không tính lãi nữa và hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, không có khả năng trả số nợ 01 lần bà xin được trả dần hàng tháng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn D đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung: Vào ngày 11 tháng 12 năm 2015(al) nhằm ngày 20/01/2016(dl) bà Nguyễn Thị L có vay tiền của bà Nguyễn Thị H số tiền là 37.000.000 đồng khi vay bà L có làm biên nhận cho bà H. Tại các phiên hòa giải bà L cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền là 37.000.000 đồng, nhưng bà không có khả năng trả 01 lần bà xin được trả nhiều lần.

[3] Xét lời thừa nhận của bà L có nợ của bà H số tiền 37.000.000 đồng tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà L cho rằng đối với số tiền 37.000.000 đồng mà bà L nợ bà H là có cộng phần tiền lãi vào nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền vay là bao nhiêu và tiền lãi là bao nhiêu. Đối với tờ biên nhận ngày 15/12/2015(al) bà cũng thừa nhận đó là do bà viết và ký tên, đối với chữ ký của ông D bà L Cũng thừa nhận là do bà tự ký nhưng việc bà nợ tiền

bà H ông D cũng đã biết mặc khác việc bà vay tiền là để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình như mua gạo, chi phí điều trị bệnh cho con và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Cho nên, ông Lê Văn D phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc bà Liên và ông D có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà H là có cơ sở.

[4] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản vay, trừ trường hợp luật có quy định khác. Tại biên nhận các đương sự thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu tính lãi suất 1.125% đối với số vay. Như vậy mức lãi bà H yêu cầu là thấp hơn so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên đối với yêu cầu của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể như sau:

+ Từ ngày 20/01/2016 đến ngày 20/3/2018 vay 37.000.000đồng x 1.125% x 26 tháng = 10.822.500 đồng;

Như vậy bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn 37.000.000 đồng và tiền lãi 10.822.500 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 47.822.500 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của bà L xin được trả số tiền nợ cho bà H mỗi năm 12.000.000 đồng chia làm hai đợt 06 tháng trả 01 lần cho đến khi dứt nợ, và phần tiền lãi bà L không đồng ý trả bà H vì bà cho rằng bà H hứa là khi làm biên nhận xong bà không tính lãi nữa. Tuy nhiên tại biên nhận ngày 15/12/2015 bà L ghi lãi suất là 5%/tháng, trả lãi hàng tháng nhưng bà không thực hiện việc trả lãi cho bà H và tại phiên tòa hôm nay bà H không đồng ý đối với yêu cầu cho bà L trả dần số tiền vốn 37.000.000 đồng và không đồng ý giảm lãi cho bà L nên lời đề nghị của bà L là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1, khoản 3 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải trả số tiền vốn là 37.000.000 đồng và tiền lãi 10.822.500 đồng;

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải trả cho Nguyễn Thị H số tiền vốn vay là 37.000.000 đồng và tiền lãi 10.822.500 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 47.822.500 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D phải chịu là 2.391.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu số 0008871 ngày 18.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L và ông D chậm trả số tiền nêu trên cho bà H thì bà Liên và ông D phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo lãi suất mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiệm

